

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2025
V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Ngọc- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ-TY ngày 16-4-2025 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-8-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bạch Thị H, sinh năm 1984 – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Mạnh C, sinh năm 1976 – Có mặt.

Đều cư trú tại: Thôn M, xã T, tỉnh Lào Cai (Thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-4-2025, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bạch Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Phạm Mạnh C tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) vào ngày 05-12-2003 trên cơ sở tự nguyện của đôi bên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do ông Phạm Mạnh C nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người khác nên thường xuyên chửi bới bà. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông Phạm Mạnh C được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hồng C1, sinh ngày 20-9-2004 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 02-7-2015. Ly hôn, bà đề nghị giao cháu Phạm Tiến Đ cho ông Phạm Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con; cháu Phạm Hồng C1 đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: Bà đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đăng ký kết hôn với bà Bạch Thị H tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) vào ngày 05-12-2003 trên cơ sở tự nguyện của đôi bên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Bạch Thị H có tình cảm với người khác, không quan tâm đến ông. Kể từ khi xảy ra mâu thuẫn cũng có vài lần ông chửi bới bà Bạch Thị H, ngoài ra không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà Bạch Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như bà Bạch Thị H trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Tiến Đ, không yêu cầu bà Bạch Thị H phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu cháu Phạm Hồng C1 đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: Ông đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bạch Thị H có đơn đề nghị không hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tổ tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bạch Thị H với ông Phạm Mạnh C

- Về con chung: Giao cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 02-7-2015 cho ông Phạm Mạnh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Bà Bạch Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Bà Bạch Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bạch Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Mạnh C, nơi thường trú: Thôn M, xã T, tỉnh Lào Cai, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Thời điểm nộp đơn khởi kiện, bà Bạch Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Mạnh C và giải quyết về con chung nhưng họ tên người chồng trong Trích lục kết hôn lại là Phạm Trung K. Do đó Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp là “không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”.

Về họ tên trong sổ đăng ký kết hôn: Bà Bạch Thị H khẳng định thời điểm đăng ký kết hôn ông Phạm Mạnh C xuất trình giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Trung K, trên chứng minh nhân dân có dán ảnh của ông Phạm Mạnh C. Còn ông Phạm Mạnh C xác định thời điểm đó ông đang sử dụng giấy chứng

minh mang tên Phạm Trung K và đây là chứng minh nhân dân của ông nên ông đã xuất trình khi đăng ký kết hôn.

Tòa án tiến hành xác minh về việc đăng ký kết hôn và thu thập tài liệu, chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai được kết quả: Tại sổ hộ tịch (sổ đăng ký kết hôn) quyển số 01/2000, trang số 34, số thứ tự 133 đăng ký ngày 05-12-2003 có thông tin về việc đăng ký kết hôn của chị Bạch Thị H và anh Phạm Trung K (gồm họ tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân của cả hai bên). Về cột chữ ký của vợ, chồng đã có đủ chữ ký.

Tại kết quả xác minh ngày 20-5-2025, Công an xã M, huyện T (nay là xã T) cung cấp: Trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ông Phạm Mạnh C, sinh năm 06-5-1976 có vợ là Bạch Thị H, sinh năm 1984; ông Phạm Trung K, sinh năm 06-5-1976 có vợ là Hoàng Thị Thanh H1, sinh năm 1973; Tại Văn bản số 90/CAX-PCTP ngày 29-7-2025 của Công an xã T trả lời: Tiến hành tra cứu trên hệ thống dữ liệu quốc gia không có kết quả về số chứng minh nhân dân 060679597 mà ông Phạm Mạnh C đã sử dụng khi đăng ký kết hôn và số chứng minh nhân dân này cũng không trùng khớp với số chứng minh nhân dân của ông Phạm Trung K (anh trai ruột ông Phạm Mạnh C). Do đó, không có căn cứ xác định ông Phạm Mạnh C đã mượn giấy tờ tùy thân của người khác để thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử xác định ông Phạm Trung K trong sổ đăng ký kết hôn với ông Phạm Mạnh C là cùng một người.

Xét thấy, bà Bạch Thị H và ông Phạm Mạnh C đều xác định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) vào ngày 05-12-2003 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng với nhau và có với nhau hai con chung. Khi đăng ký khai sinh cho các con đều ghi tên người bố là Phạm Mạnh C.

Về điều kiện kết hôn: Thời điểm đăng ký kết hôn hai bên đều đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Về đăng ký kết hôn: Bà Bạch Thị H và ông Phạm Mạnh C đã thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi một trong hai bên cư trú. Khi đăng ký kết hôn, hai bên đều có mặt, tự nguyện đăng ký kết hôn. Bà Bạch Thị H và ông Phạm Mạnh C đều xác định chữ ký trong sổ đăng ký kết hôn là đúng của mình.

Như vậy, việc đăng ký kết hôn giữa bà Bạch Thị H với ông Phạm Mạnh C đã tuân thủ đúng các quy định của Nghị định 83/1998/NĐ-CP ngày 10-10-1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch và Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Do đó, dù cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà Bạch Thị H và ông Phạm Mạnh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà Bạch Thị H yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với ông Phạm Mạnh C nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bạch Thị H và ông Phạm Mạnh C có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05-12-2003 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng cuối năm 2024, đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Phạm Mạnh C nghi ngờ bà Bạch Thị H có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau, ông Phạm Mạnh C đánh đập, chửi bới bà Bạch Thị H nhiều lần. Mặc dù chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng ông Phạm Mạnh C vẫn không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Phạm Mạnh C cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn chửi bới, xúc phạm bà Bạch Thị H còn bà Bạch Thị H xác định không thể tiếp tục chung sống với ông Phạm Mạnh C được nữa nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Mạnh C. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa bà Bạch Thị H và ông Phạm Mạnh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho bà B được ly hôn ông Phạm Mạnh C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Bạch Thị H và ông Phạm Mạnh C có 02 con chung cháu Phạm Hồng C1, sinh ngày 20-9-2004 (đã trưởng thành) và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 02-7-2015. Bà Bạch Thị H đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Tiến Đ cho ông Phạm Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng; ông Phạm Mạnh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Tiến Đ trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Cháu Phạm Tiến Đ cũng có nguyện vọng được ở với ông Phạm Mạnh C. Do đó, cần giao cháu Phạm Tiến Đ cho ông Phạm Mạnh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Mạnh C không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Bạch Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai về việc đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận. Đối với các ý kiến khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bạch Thị H được ly hôn ông Phạm Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 02-7-2015 cho ông Phạm Mạnh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Bà Bạch Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở

3. Về án phí: Bà Bạch Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0001762 ngày 15-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Bà Bạch Thị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV3-Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Trấn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Duy

